

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Số: 156/QĐ-ĐHM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp, máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/TTg ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Hành chính – Quản trị.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp, máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Các ông (bà) Trường phòng Hành chính - Quản trị, Trường phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị thuộc Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, HCQT.(1).



Nguyễn Minh Hà



## QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp, máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1565/QĐ-ĐHM ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp, máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quy định này áp dụng đối với cá nhân, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

### Điều 2. Diện tích công trình sự nghiệp

1. Công trình sự nghiệp trong Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: hội trường, giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng máy vi tính, thư viện, ký túc xá, khu hoạt động thể chất, phòng nghỉ cho giảng viên, nhà để xe và nhà vệ sinh.

2. Diện tích chuyên dùng được xác định là diện tích sàn tính theo kích thước thông thủy (không tính diện tích hành lang, cầu thang, sảnh, ban công, chân tường, cột, hộp kỹ thuật) thuộc các hạng mục công trình sự nghiệp trong Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Định mức diện tích chuyên dùng trong Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Phụ lục I.

Phụ lục kèm theo, bao gồm:

- Hội trường từ 250 chỗ trở lên
- Phòng học có quy mô từ 100 chỗ đến dưới 200 chỗ
- Phòng học dưới 100 chỗ
- Phòng thí nghiệm, phòng thực hành
- Thư viện
- Ký túc xá
- Khu hoạt động thể chất
- Phòng nghỉ cho giảng viên

9. Nhà để xe

10. Nhà vệ sinh

### **Điều 3. Máy móc, thiết bị**

Định mức sử dụng thiết bị tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Phụ lục II.

Phụ lục kèm theo, bao gồm:

1. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành

2. Thư viện

3. Phòng học

4. Phòng máy vi tính

5. Trạm Y tế

6. Phòng họp chuyên môn

7. Hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải, chất thải trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và thiết bị khác phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

### **Điều 4. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp, máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được ban hành trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, phù hợp với quy định tại Quy định này thì tiếp tục thực hiện.


2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình sự nghiệp, máy móc thiết bị giáo dục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không xác định lại tiêu chuẩn, định mức theo quy định này.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Hàng năm các đơn vị đề xuất mua sắm, sửa chữa theo nhu cầu sử dụng và theo quy định.

2. Phòng Hành chính – Quản trị và Phòng Tài chính – Kế toán phối hợp triển khai đề xuất thực hiện đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác liên quan để hoàn thành nhiệm vụ của nhà trường.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị đề xuất đề điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.


**Phụ lục I**  
**ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DỤNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TT	Các hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )/người	Ghi chú
1.	Hội trường từ 250 chỗ trở lên		
1.1	Có bàn viết	1,8m <sup>2</sup> /người	Không kể lối đi, sân khấu, phòng chuẩn bị, phòng dụng cụ, vệ sinh và các phòng phụ trợ khác.
1.2	Không có bàn viết	0,8m <sup>2</sup> /người	Không kể lối đi, sân khấu, phòng chuẩn bị, phòng dụng cụ, vệ sinh và các phòng phụ trợ khác.
2.	Giảng đường quy mô từ 100 chỗ đến dưới 200 chỗ	1,1m <sup>2</sup> /người	- Đã bao gồm lối đi và bàn viết; - Không kể phòng chuẩn bị và các phòng phụ trợ khác.
3.	Phòng học dưới 100 chỗ		
3.1	Phòng học từ 75 đến dưới 100 chỗ	1,3m <sup>2</sup> /người	
3.2	Phòng học từ 25 đến dưới 75 chỗ	1,5m <sup>2</sup> /người	
3.3	Phòng học dưới 25 chỗ	2,2m <sup>2</sup> /người	
4.	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành		Không bao gồm phòng chuẩn bị và các diện tích phụ trợ khác.
4.1	Phòng thí nghiệm các ngành công nghệ kỹ thuật	4,0m <sup>2</sup> /người	
4.2	Phòng thực hành ngân hàng mô phỏng	4,0m <sup>2</sup> /người	
4.3	Phòng máy vi tính	4,5m <sup>2</sup> /người	
4.4	Phòng thực hành ngành Luật	4,0m <sup>2</sup> /người	
5.	Thư viện	2,5m <sup>2</sup> /người	Đã bao gồm lối đi, tủ mục lục, quầy cho mượn; - Không kể diện tích kho sách và các

			phòng chức năng khác.
6.	Ký túc xá	4,0m <sup>2</sup> /người	Không kể nhà vệ sinh, phòng phục vụ công cộng, bếp và các phòng phụ trợ khác.
7.	Khu hoạt động thể chất	4,0m <sup>2</sup> /người	
8.	Phòng nghỉ cho giảng viên	3m <sup>2</sup> /giảng viên	
9.	Nhà để xe	0,9m <sup>2</sup> /xe đạp 2,5m <sup>2</sup> /xe máy 25m <sup>2</sup> /ô tô	
10.	Nhà vệ sinh	2-4 khu vệ sinh/tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt.</li> <li>- Mỗi khu có 1 phòng vệ sinh dành cho người khuyết tật có dán bảng chỉ dẫn.</li> <li>- Mỗi khu có ít nhất 1 chậu rửa tay</li> </ul>



Phụ lục II

**ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG THIẾT BỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành	Các thiết bị thí nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn của chương trình đào tạo	
2.	Thư viện		
2.1	Cổng từ kiểm tra an ninh	01 cổng/thư viện trung tâm	
2.2	Máy điều hòa không khí 2HP	40m <sup>3</sup> /máy	
2.3	Máy đọc mã vạch	02-05 máy/thư viện	
2.4	Máy hút bụi	01 máy/thư viện	
2.5	Máy in	01-03 máy/thư viện	
2.6	Máy khử từ	01 máy/thư viện	
2.7	Máy photocopy	01 máy/thư viện	
2.8	Máy Scan	01 máy/thư viện	
2.9	Máy vi tính	15-25 máy/thư viện	
2.10	Một số thiết bị đặc thù khác	Đảm bảo theo yêu cầu	
3.	Phòng học		
3.1	Hệ thống âm thanh	01-02 bộ/phòng	
3.2	Máy chiếu	01 máy/phòng	
3.3	Màn chiếu	01 cái/phòng	
3.4	Máy điều hòa không khí 2HP	40m <sup>3</sup> /máy	
4.	Phòng máy vi tính		
4.1	Hệ thống âm thanh	01-02 bộ/phòng	
4.2	Máy chủ	01 máy/khu	

4.3	Máy vi tính	01 máy/người	
4.4	Máy chiếu	01 máy/phòng	
4.5	Màn chiếu	01 cái/phòng	
4.6	Máy điều hòa không khí 2HP	40m <sup>3</sup> /máy	
5.	Trạm Y tế		
5.1	Thiết bị khám bệnh , sơ cấp cứu	Các thiết bị chuyên dùng cho khám sàng lọc cơ bản	
5.2	Giường nằm	01-02 giường/phòng	
5.3	Xe lăn	01 xe/phòng	
5.4	Máy điều hòa không khí 2HP	40m <sup>3</sup> /máy	
6.	Phòng họp chuyên môn		
6.1	Máy chiếu	01 máy/phòng	
6.2	Màn chiếu hoặc tivi	01 cái/phòng	
6.3	Hệ thống âm thanh	01 bộ/phòng	
6.4	Máy vi tính xách tay	01 máy/phòng	
6.5	Thiết bị hội nghị truyền hình	01 máy/phòng họp chính	
6.6	Máy nước uống nóng lạnh	01 máy/phòng	
6.7	Máy điều hòa không khí 2HP	40m <sup>3</sup> /máy	
7.	Hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước, chất thải trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và thiết bị khác phục vụ hoạt động, đào tạo nghiên cứu khoa học	Các thiết bị đảm bảo yêu cầu	✓